

THỜI KHÓA BIỂU

TỪ NGÀY 24/8 ĐẾN 27/9/2026[illegible]

LỚP	BUỔI	TIẾT	Từ ngày 24/8 đến ngày 30/8/2026							Từ ngày 31/8 đến ngày 06/9/2025							Từ ngày 07/9 đến ngày 13/9/2026							Từ ngày 14/9 đến ngày 20/9/2026							Từ ngày 21/9 đến ngày 27/9/2026							SỐ TIẾT	Phòng	GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY
			Th.2	Th.3	Th.4	Th.5	Th.6	Th.7	CN	Th.2	Th.3	Th.4	Th.5	Th.6	Th.7	CN	Th.2	Th.3	Th.4	Th.5	Th.6	Th.7	CN	Th.2	Th.3	Th.4	Th.5	Th.6	Th.7	CN	Th.2	Th.3	Th.4	Th.5	Th.6	Th.7	CN			
Nuôi trồng thủy sản A - khóa 17	Sáng	1			Chăn nuôi đại cương	Chăn nuôi đại cương	Chăn nuôi đại cương						Chăn nuôi đại cương	Chăn nuôi đại cương	Chăn nuôi đại cương					Chăn nuôi đại cương	Chăn nuôi đại cương	Chăn nuôi đại cương					Chăn nuôi đại cương	Chăn nuôi đại cương	Chăn nuôi đại cương						Thi Chăn nuôi đại cương		CNDC: 60		Cô Linh	
		2																																						
		3																																						
		4																																						
	Chiều	5																																						
		6				Chăn nuôi đại cương	Chăn nuôi đại cương							Chăn nuôi đại cương	Chăn nuôi đại cương													Chăn nuôi đại cương	Chăn nuôi đại cương											
		7																																						
		8																																						
Nuôi trồng thủy sản B - khóa 17	Sáng	1																																		NTH: 60		Cô Tuyền		
		2	Nuôi tôm he	Nuôi tôm he	Nuôi tôm he	Nuôi tôm he	Nuôi tôm he					Nuôi tôm he	Nuôi tôm he	Nuôi tôm he			Nuôi tôm he	Nuôi tôm he	Nuôi tôm he	Nuôi tôm he	Nuôi tôm he			Sản xuất giống cá nước ngọt	Sản xuất giống cá nước ngọt	Sản xuất giống cá nước ngọt	Sản xuất giống cá nước ngọt	Sản xuất giống cá nước ngọt				Sản xuất giống cá nước ngọt	Sản xuất giống cá nước ngọt	Sản xuất giống cá nước ngọt	Sản xuất giống cá nước ngọt	Sản xuất giống cá nước ngọt		SXGCNN: 40		Cô Tím
		3																																						
		4																																						
	Chiều	5																																						
		6												Nuôi tôm he	Nuôi tôm he																									
		7																																						
		8																																						
Nuôi trồng thủy sản A - khóa 18	Sáng	1																																						
		2																																						
		3																																						
		4																																						
	Chiều	5	Quản lý chất lượng nước	Quản lý chất lượng nước	Quản lý chất lượng nước	Quản lý chất lượng nước	Quản lý chất lượng nước						Vi sinh vật trong nuôi trồng thủy sản	Vi sinh vật trong nuôi trồng thủy sản	Vi sinh vật trong nuôi trồng thủy sản		Quản lý chất lượng nước	Vi sinh vật trong nuôi trồng thủy sản	Quản lý chất lượng nước	Vi sinh vật trong nuôi trồng thủy sản	Quản lý chất lượng nước			Quản lý chất lượng nước	Vi sinh vật trong nuôi trồng thủy sản	Quản lý chất lượng nước			Quản lý chất lượng nước	VSTS	Quản lý chất lượng nước	Quản lý chất lượng nước	Quản lý chất lượng nước		VSTS: 30		Cô Ngôn; Cô Thảo			
		6																																		QLCLN: 60		Cô Tuyền		
		7																																						
		8																																						

Ghi chú:

1. TH: Tin học
2. ĐTS: Điện tử số
3. NTH: Nuôi tôm he
4. CBS: Chế biến sữa
5. TBĐ: Trang bị điện
6. ĐKT: Điện kỹ thuật
7. CBT: Chế biến thịt
8. TBCK: Thiết bị cơ khí
9. CBĐH: Chế biến đồ hộp
10. VKTĐ: Vẽ kỹ thuật điện
11. PGTP: Phụ gia thực phẩm
12. HHTP: Hóa học thực phẩm
13. HHTP: Hóa học thực phẩm
14. BTN: Bệnh truyền nhiễm
15. BTMT: Bảo trì máy tính
16. THSK: Thực hành sản khoa
17. KTHP: Kỹ thuật thực phẩm
18. KDTV: Kiểm dịch thực vật
19. KDTV: Kiểm dịch thực vật
20. CT: Giáo dục chính trị

21. TTGT: Thực tập giáo trình
22. NN: Ngoại ngữ (Anh văn)
23. CSKTĐ: Cơ sở kỹ thuật điện
24. CNĐC: Chăn nuôi đại cương
25. TTĐC:Trồng trọt đại cương
26. ĐTPB: Đất trồng - phân bón
27. AVCN: Anh văn chuyên ngành
28. VSTP: Vi sinh vật thực phẩm
29. VSTP: Vi sinh vật thực phẩm
30. VLĐL: Vật liệu điện - lạnh
31. PPTN: Phương pháp thí nghiệm
32. KTC: Kỹ thuật chung về ô tô
33. QLCLN: Quản lý chất lượng nước
34. CĐKT: Chẩn đoán kỹ thuật ô tô
35. SPLM: Chế biến sản phẩm lên men
36. TBD 1: BD&SC trang bị điện ô tô 1
37. SXGCNN: Sản xuất giống cá nước ngọt
38. ĐTPHDH: Điều tra phát hiện dịch hại
39. ĐKLTCN: Điều khiển lập trình cỡ nhỏ
40. ĐKLTCN: Điều khiển lập trình cỡ nhỏ

41. QLCL: Quản lý chất lượng thực phẩm
42. NLBQ: Nguyên lý bảo quản thực phẩm
43. NPTBD: Nuôi và phòng trị bệnh cho dê
44. MTTCN: Mạng truyền thông công nghiệp
45. HTMLCN: Hệ thống máy lạnh công nghiệp
46. ĐGCL: Đánh giá chất lượng thực phẩm
47. GDQP: Giáo dục quốc phòng và an ninh
48. HTĐNLTT: Hệ thống điện năng lượng tái tạo
49. ĐHKK mới: Hệ thống điều hòa không khí mới
50. SXRБ: Sản xuất rượu bia, nước giải khát
51. NPTBGV: Nuôi và phòng trị bệnh cho gà vịt
52. VSTS: Vi sinh vật trong nuôi trồng thủy sản
53. QLDHCCN: Quản lý dịch hại trên cây công nghiệp
54. KNGT: Kỹ năng giao tiếp và tìm kiếm việc làm
55. ATLĐ: An toàn lao động và vệ sinh công nghiệp
56. HTLDD: Hệ thống máy lạnh dân dụng và thương mại
57. ĐHKK Ô tô: Hệ thống điều hòa không khí trên ô tô
58. LDC: Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái - di chuyển
59. CSNL: Cơ sở kỹ thuật nhiệt - lạnh và điều hòa không khí